

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ - HỆ CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-TĐHHN, ngày 26 tháng 7 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

Hà Nội, năm 2021

MỤC LỤC

1. Mục tiêu.....	1
1.1. Mục tiêu chung:.....	1
1.2. Mục tiêu cụ thể:.....	1
2. Chuẩn đầu ra.....	1
2.1. Kiến thức	2
2.2. Kỹ năng.....	2
2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm.....	3
3. Khối lượng kiến thức toàn khoáH	3
4. Đối tượng tuyển sinh	4
5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	4
6. Cách thức đánh giá	4
7. Nội dung chương trình.....	4
8. Kế hoạch học tập dự kiến phân bố theo học kỳ.....	14
9. Hướng dẫn thực hiện	15

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình: **Quản lý tài nguyên và môi trường**

Trình độ đào tạo: **Thạc sĩ**

Chuyên ngành đào tạo: **Quản lý tài nguyên và môi trường;** Mã số: **8850101**

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo thạc sĩ Quản lý tài nguyên và môi trường theo định hướng ứng dụng nhằm bổ sung, nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng thực hành về quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề về quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao, tác phong chuyên nghiệp và có thể học tập ở trình độ Tiến sĩ.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

Chương trình thạc sĩ Quản lý tài nguyên và môi trường trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng cụ thể như sau:

a) Rèn luyện thế giới quan, phương pháp luận triết học, củng cố nhận thức cơ sở lý luận về đường lối của Đảng, đặc biệt là chiến lược phát triển khoa học - công nghệ Việt Nam

b) Nâng cao kiến thức về phân tích đánh giá chính sách tài nguyên và môi trường, quản lý chiến lược tài nguyên và môi trường; về quản lý tổng hợp chất lượng môi trường (nước, không khí, đất); Quản lý tổng hợp chất thải rắn; về quản lý tài nguyên, quản lý di sản thiên nhiên, các khu bảo tồn, quản lý đa dạng sinh học.

c) Các kiến thức chuyên môn để thực hiện các công việc cụ thể liên quan đến tài nguyên và môi trường phù hợp với điều kiện thực tế tại cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp;

d) Năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, thực hiện các nghiên cứu khoa học, phát triển kiến thức mới và tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn;

e) Đạt trình độ ngoại ngữ để diễn đạt, trình bày, và viết được báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn;

f) Có phẩm chất chính trị, đạo đức và tư duy logic tốt, có trách nhiệm công dân.

g) Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp: Người học sau tốt nghiệp có khả năng học tập lên trình độ tiến sĩ, làm cho các cơ quan nhà nước, ban quản lý các khu công nghiệp, tự thành lập và tổ chức các hoạt động dịch vụ nghiên cứu, sản xuất và tư vấn.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

** Kiến thức chung:*

(2.1.1) Hiểu được cơ sở lý luận triết học trong nhận thức và vận dụng vào lĩnh vực chuyên ngành

(2.1.2) Ngoại ngữ: Đạt trình độ tiếng Anh bậc 4/6 theo Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học.

** Kiến thức chuyên môn:*

(2.1.3) Hiểu được các kiến thức liên quan đến phân tích đánh giá chính sách tài nguyên và môi trường, quản lý chiến lược tài nguyên và môi trường.

(2.1.4) Hiểu được các kiến thức về quản lý tổng hợp chất lượng môi trường (nước, không khí, đất); Quản lý tổng hợp chất thải rắn.

(2.1.5) Hiểu được các kiến thức về quản lý tài nguyên, quản lý di sản thiên nhiên, các khu bảo tồn, quản lý đa dạng sinh học.

(2.1.6) Áp dụng các kiến thức liên quan phân tích đánh giá chính sách tài nguyên và môi trường, quản lý chiến lược tài nguyên và môi trường để quản lý tài nguyên và môi trường.

(2.1.7) Ứng dụng các kiến thức về quản lý tổng hợp chất lượng môi trường (nước, không khí, đất); Quản lý tổng hợp chất thải rắn để quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên và môi trường.

(2.1.8) Vận dụng các kiến thức về quản lý tài nguyên, quản lý di sản thiên nhiên, các khu bảo tồn, quản lý đa dạng sinh học công cụ để quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường.

2.2. Kỹ năng

** Kỹ năng chung:*

(2.2.1) Tổ chức phối hợp thành thạo trong làm việc nhóm và dẫn dắt chuyên môn trong quản lý và nghiên cứu khoa học;

(2.2.2) Thành thạo việc sử dụng ngoại ngữ, viết được báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn; trình bày được rõ ràng các ý kiến và phản biện một vấn đề kỹ thuật

bằng ngoại ngữ để hội nhập quốc tế và đáp ứng các yêu cầu của công nghệ 4.0 hiện nay.

Kỹ năng Tiếng Anh: Đạt chuẩn bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Tương đương bậc B2 theo khung tham chiếu chung Châu Âu), do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép. Ngoài ra học viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ khi đạt một trong các chứng chỉ tương đương từ B2 trở lên theo bảng quy đổi sau:

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	Khung Châu Âu
4/6 (Khung VN)	5.5	500 PBT 173 CBT 61 iBT	600	First FCE	Busines Vantage	60	B2

** Kỹ năng chuyên môn:*

(2.2.3) Sử dụng các kiến thức chuyên môn về chính sách, pháp luật và các nguyên tắc trong quản lý để xử lý các công việc đặc thù trong lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường;

(2.2.4) Thành thạo kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng tổ chức, kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường.

(2.2.5) Vận dụng các kiến thức chuyên sâu trong nghiên cứu, độc lập, sáng tạo để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới trong quản lý tài nguyên và môi trường;

(2.2.6) Sắp xếp và thực hiện thành công việc đàm phán để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường;

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

(2.3.1) Hình thành quan điểm nâng cao ý thức, trách nhiệm của bản thân ở mọi lúc, mọi nơi trong việc quản lý, bảo vệ tài nguyên và môi trường; Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường;

(2.3.2) Tiếp thu chủ động các kiến thức, công nghệ mới, giải pháp tiên tiến; Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về các vấn đề trong quản lý tài nguyên và môi trường.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy	60	Tỉ trọng (%)
Trong đó:		
- Khối kiến thức chung	6	10
- Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành	42	70
+ <i>Bắt buộc:</i>	27	45
+ <i>Tự chọn:</i>	15	25
- Luận văn	12	20

4. Đối tượng tuyển sinh

Thực hiện theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ và Quyết định số 3056/QĐ-TĐHHN ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Được thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

6. Cách thức đánh giá

Thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

7. Nội dung chương trình

Ký hiệu: - LT: Lý thuyết;

- TH, TT: Thực hành, Thực tập

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
I	KHỐI KIẾN THỨC CHUNG							
1	LCML201	Triết học	3	Sau khi kết thúc học phần, học viên trình bày được khái luận về triết học, lịch sử triết học phương Đông gồm Ấn Độ và Trung Hoa cổ đại, triết học phương Tây từ thời cổ đại đến hiện đại và tư tưởng triết học Việt Nam trong Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo và tư tưởng Hồ Chí Minh; các nội dung về triết học Mác-Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử cũng như sự vận động của triết học	45	0	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay và vai trò thế giới quan, phương pháp luận của nó; quan hệ tương hỗ giữa triết học với các khoa học, vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển khoa học và vai trò của khoa học - công nghệ trong sự phát triển xã hội.				
2	NNTA201	Tiếng Anh B2	3	Sau khi kết thúc học phần, học viên nắm được những kiến thức cơ bản về: Các hiện tượng ngữ pháp tiếng Anh cơ bản dành cho người học có trình độ tiếng Anh cấp độ B2. Vốn từ vựng cơ bản để nói về các chủ điểm quen thuộc về các lĩnh vực quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. Các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết ở mức độ B2.	40	0	90	
II	KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH							
II.1	Bắt buộc							
II.1.1	MTQT201	Tiếng Anh chuyên ngành	2	Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng: Đọc hiểu và xử lý các tài liệu chuyên ngành quản lý tài nguyên và môi trường bằng tiếng Anh; Nắm vững được các thuật ngữ sử dụng trong các tài liệu chuyên ngành; Củng cố và nâng cao kiến thức ngữ pháp thông qua các bài đọc; Trình bày được bằng tiếng Anh một số chủ đề quen thuộc của chuyên ngành môi trường.	30	0	60	
II.1.2	MTQT202	Phân tích và đánh giá dữ liệu môi trường	2	Sau khi kết thúc học phần, học viên nắm được những kiến thức cơ bản về các phương pháp phân tích và đánh giá dữ liệu tài nguyên và môi trường. Cụ thể: cách xác định vấn đề, xây dựng giả thuyết, kế hoạch và đề cương nghiên cứu, thiết kế, thu và quản lý số liệu, phân tích số liệu, các phương pháp	30	0	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				và mô hình cơ bản, phương pháp phân tích tương quan, phân tích hồi quy, dự báo. Có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, và khả năng làm việc nhóm khi xây dựng đề cương nghiên cứu. Có trách nhiệm, nghiêm túc trong công việc, nhiệm vụ được giao.				
II.1.3	MTQT203	Lượng giá và bồi thường thiệt hại môi trường	2	Sau khi kết thúc học phần, học viên có hệ thống kiến thức cơ bản về lượng giá, tổng giá trị kinh tế, ý nghĩa, phạm vi áp dụng phương pháp lượng giá; Các phương pháp lượng giá kinh tế tài nguyên và môi trường thường sử dụng như phương pháp dựa vào thị trường thực, Phương pháp dựa vào thị trường thay thế, Phương pháp dựa vào thị trường giả định; Vận dụng thực hiện được lượng giá một số hệ sinh thái: Đất ngập nước, tài nguyên rừng; Sự cố thiên tai tự nhiên, ô nhiễm của khu công nghiệp... Hiểu các văn bản pháp quy hướng dẫn về bồi thường thiệt hại môi trường và bước đầu tính toán được mức bồi thường thiệt hại môi trường. Học viên lập được kế hoạch làm việc và tổ chức hoạt động theo nhóm; có khả năng viết và trình bày báo cáo. Học viên có ý thức trách nhiệm về bảo tồn các hệ sinh thái và bảo vệ môi trường.	30	0	60	
II.1.4	MTQM204	Phân tích chính sách tài nguyên và môi trường	3	Sau khi kết thúc học phần, học viên hệ thống hoá lại được các chính sách tài nguyên và môi trường của Việt Nam và các chính sách tài nguyên và môi trường quốc tế mà Việt Nam đã tham gia. Hiểu rõ vai trò của công cụ luật pháp chính sách, ý nghĩa của công cụ luật pháp chính sách trong quản lý tài nguyên và môi trường. Phân	45	0	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				tích và vận dụng được các chính sách quản lý tài nguyên và môi trường đang áp dụng ở Việt Nam vào việc quản lý tài nguyên và môi trường ở địa phương. Có khả năng phản biện và tham gia vào quá trình xây dựng các chiến lược chính sách trong khai thác, bảo vệ tài nguyên và môi trường ở các cấp độ khác nhau từ trung ương tới địa phương.				
II.1.5	MTQM205	Nguyên lý quản lý tài nguyên và môi trường	2	Sau khi kết thúc học phần, học viên hệ thống hóa được kiến thức và cách tiếp cận về: Lịch sử hình thành và phát triển của ngành quản lý tài nguyên và môi trường; các nguyên lý cơ bản của khoa học quản lý và quản lý tài nguyên và môi trường, ứng dụng các nguyên lý khoa học môi trường trong quản lý bảo vệ tài nguyên và môi trường theo hướng tiếp cận bền vững; ứng dụng các công cụ đánh giá phân tích của nguyên lý, mục tiêu và xu hướng quản lý môi trường và tài nguyên cho sự nghiệp phát triển bền vững.	30	0	60	
II.1.6	MTQM206	Quản lý chiến lược tài nguyên và môi trường	2	Sau khi kết thúc học phần, học viên hệ thống được các chiến lược liên quan đến tài nguyên và môi trường tại Việt Nam. Phân tích được nội hàm của các chiến lược tài nguyên và môi trường để đề xuất các chương trình hành động cụ thể cho các ngành nghề kinh tế, xã hội khác nhau để đạt mục tiêu của quản lý chiến lược tài nguyên và môi trường.	30	0	60	
II.1.7	MTQT207	Biến đổi khí hậu và ứng phó	2	Sau khi kết thúc học phần, học viên hệ thống kiến thức cơ bản về khái niệm, nguyên nhân và giới thiệu kịch bản biến đổi khí hậu cho Việt Nam; các tác động của Biến đổi khí hậu theo	30	0	60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				các ngành, lĩnh vực và các vùng địa lý ở Việt Nam; Các biện pháp giảm nhẹ và thích ứng với BĐKH theo ngành, lĩnh vực ở Việt Nam; Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu tại Việt Nam, chiến lược quốc gia về BĐKH, kế hoạch hành động. Học viên có khả năng vận dụng được những kiến thức liên quan tới BĐKH để phân tích tác động của BĐKH tới lĩnh vực, ngành, vùng địa lý; áp dụng được các chương trình mục tiêu, xây dựng kế hoạch hành động của ngành, lĩnh vực có lồng ghép với BĐKH.				
II.1.8	MTĐQ204	Đánh giá rủi ro môi trường	3	Sau khi kết thúc học phần, học viên nắm được kiến thức cơ bản về các khái niệm liên quan đến đánh giá tác động đến sức khỏe con người và đánh giá rủi ro; quy trình và phương pháp đánh giá tác động đến sức khỏe và đánh giá rủi ro; định tính và định lượng trong đánh giá rủi ro môi trường và tác động đến sức khỏe; phương pháp tiếp cận và kế hoạch quản lý rủi ro môi trường; ứng dụng đánh giá rủi ro trong công tác quản lý môi trường.	45	0	90	
II.1.9	MTQM208	Ứng dụng GIS, viễn thám trong quản lý tài nguyên và môi trường	3	Sau khi kết thúc học phần, học viên nắm được các kiến thức Tổng quan về ứng dụng của GIS và viễn thám; Công nghệ GIS, viễn thám trong quản lý tài nguyên và môi trường; Nghiên cứu điển hình ứng dụng của GIS và viễn thám trong một số trường hợp cụ thể như: quản lý tài nguyên thiên nhiên (đất, rừng, nước, đa dạng sinh học..); xây dựng bản đồ chuyên đề môi trường; nghiên cứu sự cố, tai biến môi trường (tràn dầu, cháy rừng, rò rỉ hóa	45	0	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				chất...).				
II.1.10	MTQM214	Kinh tế xanh	2	Sau khi kết thúc học phần, học viên trình bày được các lợi ích kinh tế, môi trường và xã hội của việc chuyển đổi sang nền kinh tế xanh. Xác định được các điều kiện thuận lợi để xanh hóa nền kinh tế cũng như xác định được những thách thức và cơ hội chính để xanh hóa các ngành kinh tế then chốt. Có khả năng thực hiện các quy trình lập kế hoạch nhằm đề nghị hỗ trợ chuyển đổi xanh.	30	0	60	
II.1.11	MTQT209	Quản lý đa dạng sinh học	2	Sau khi kết thúc học phần, học viên trình bày được: Khái niệm về quản lý đa dạng sinh học; Hiểu được các công cụ trong quản lý đa dạng sinh học (Quản lý đa dạng gen; Quản lý đa dạng loài; Quản lý đa dạng hệ sinh thái): Công cụ luật pháp và chính sách, Công cụ kinh tế, Công cụ kỹ thuật và Công cụ phụ trợ trong quản lý đa dạng sinh học. Xây dựng được chiến lược, quy hoạch, kế hoạch quản lý đa dạng sinh học cho các địa phương.	30	0	60	
II.1.12	MTQM210	Thực tập ngoại khóa	2	Sau khi kết thúc học phần, học viên hiểu được kiến thức kiến thức thực tế về quản lý tài nguyên và môi trường thông qua các hoạt động: Khảo sát thực địa tại 1 khu bảo tồn để tìm hiểu và đánh giá về đa dạng sinh học và công tác quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học. Khảo sát thực địa tại 1 khu vực để xác định và đánh giá hiện trạng của các thành phần môi trường như đất, nước, không khí cũng như tình hình kinh tế - xã hội. Khảo sát thực địa tại một công trình để tìm hiểu về qui trình công nghệ, kỹ thuật vận hành	0	120	30	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				dây chuyền thiết bị,...				
II.2	Tự chọn							
II.2.1	MTQM211	Quản lý môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ	3	Sau khi kết thúc học phần, học viên hệ thống hóa được các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ như: khu kinh tế, khu sản xuất, kinh doanh dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề; Xác định được các vấn đề môi trường liên quan của các khu vực nói trên, từ đó đề xuất được các giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường cho các khu kinh tế, khu sản xuất, kinh doanh dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, làng nghề.	45	0	90	
II.2.2	MTCM212	Quản lý tổng hợp chất thải rắn	3	Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng phân tích thực trạng quản lý chất thải rắn, đề xuất các giải pháp tổng hợp quản lý rác thải rắn cho một đối tượng cụ thể, có khả năng đưa ra các kế hoạch quản lý tổng hợp chất thải cho các quy hoạch môi trường khu vực.	45	0	90	
II.2.3	MTĐQ213	Quản lý tổng hợp chất lượng môi trường nước và không khí	3	Sau khi kết thúc học phần, học viên có thể hệ thống hóa được những kiến thức tổng quan về quản lý tổng hợp môi trường nước và không khí theo quy định của pháp luật; có thể vận dụng được các công cụ vào quản lý môi trường nước và không khí với từng đối tượng cụ thể; lựa chọn được phương pháp quản lý dữ liệu chất lượng môi trường nước và không khí phù hợp, xác định được nội dung trong kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước và không khí cho từng đối tượng cụ thể.	45	0	90	
II.2.4	MTCM214	Công nghệ xanh trong quản lý	3	Sau khi kết thúc học phần, học viên trình bày được vai trò của công nghệ xanh trong quản lý	45	0	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
		môi trường		môi trường, hiểu rõ được các mục tiêu cần thiết của công nghệ xanh, nắm được các khái niệm cơ bản trong công nghệ xanh; nắm được các công nghệ xanh đang áp dụng trên thế giới; có khả năng thiết kế cải tiến công nghệ xanh và lựa chọn, áp dụng công nghệ xanh vào thực tế.				
II.2.5	MTQT215	Quản lý di sản thiên nhiên và các khu bảo tồn	3	Sau khi kết thúc học phần, học viên trình bày được tổng quan về khái niệm, phân loại, giá trị... của di sản thiên nhiên và các khu bảo tồn, sự tác động của các điều kiện tự nhiên, môi trường và hoạt động kinh tế - xã hội tới di sản thiên nhiên và các khu bảo tồn; Hệ thống cơ sở pháp lý của Việt Nam và quốc tế về quản lý di sản thiên nhiên và các khu bảo tồn; các nguyên tắc, phương pháp tiếp cận và đối tượng tham gia quản lý di sản thiên nhiên và các khu bảo tồn; mục tiêu, nội dung, phương pháp thực hiện hướng dẫn bảo vệ di sản thiên nhiên. Những kinh nghiệm quản lý di sản thiên nhiên và các khu bảo tồn trên thế giới và bài học áp dụng tại Việt Nam.	45	0	90	
II.2.6	MTQM216	Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	3	Sau khi kết thúc học phần, học viên trình bày được các khái niệm về sự cố, hệ thống các văn bản pháp quy quy định về phòng ngừa ứng phó sự cố. Biết nhận diện nguy cơ sự cố môi trường; Phân tích và áp dụng được quy trình phòng ngừa ứng phó sự cố; có khả năng đề xuất giải pháp giải quyết một số sự cố môi trường điển hình.	45	0	90	
II.2.7	MTQM217	Quản lý tổng hợp biển và vùng bờ	3	Sau khi kết thúc học phần, học viên trình bày được các khái niệm liên quan về vùng bờ biển, quản lý tổng hợp vùng bờ	45	0	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
		biển		biển; nhận diện được các vấn đề môi trường tại vùng biển và vùng bờ biển tại Việt Nam; Hệ thống hóa các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường vùng bờ biển; Biết vận dụng và đề xuất quy trình quản lý tổng hợp cho một số khu vực vùng bờ biển điển hình tại Việt Nam.				
II.2.8	MTĐQ219	Quản lý tổng hợp bảo vệ môi trường đất	3	Sau khi kết thúc học phần, học viên xác định, thống kê, đánh giá và kiểm soát được các yếu tố có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất. Hiểu rõ các chính sách của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đất, có khả năng tổ chức kiểm soát ô nhiễm môi trường đất. Có kiến thức và năng lực trong công tác điều tra, đánh giá, khoanh vùng và xử lý các vùng đất, bùn bị ô nhiễm dioxin có nguồn gốc từ chất diệt cỏ, thuốc bảo vệ thực vật tồn lưu và các chất độc hại khác. Vận dụng để hướng dẫn các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ về việc thực hiện các biện pháp kiểm soát ô nhiễm môi trường đất tại cơ sở.	45	0	90	
II.2.9	MTQT220	Quản lý môi trường trong khai thác mỏ	3	Sau khi kết thúc học phần, học viên có thể hệ thống hóa được những kiến thức tổng quan về tác động môi trường của hoạt động khai thác mỏ như gây xói mòn, sụt lún đất, mất đa dạng sinh học khu vực ảnh hưởng, ô nhiễm môi trường đất, ô nhiễm nguồn nước ngầm và nước mặt do tồn dư hóa chất từ quá trình chế biến quặng; cũng như ô nhiễm môi trường không khí từ hoạt động vận chuyển và khai thác gây nên. Học viên hiểu và vận dụng được một số công cụ kỹ thuật, luật pháp - chính sách và công cụ kinh tế phục vụ đắc lực cho quản lý của từng đối tượng môi	45	0	90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH, TT	Tự học	
				trường và vấn đề môi trường cụ thể. Học viên hiểu và làm được việc quản lý cơ sở dữ liệu về chất lượng môi trường liên quan.				
II.2.10	MTQM221	Quản lý xung đột tài nguyên và môi trường	3	Sau khi kết thúc học phần, học viên trình bày được các kiến thức liên quan đến xung đột giữa kinh tế, chính sách và môi trường cũng như các vấn đề liên quan đến việc khai thác tài nguyên thiên nhiên; Hệ thống hoá được các kiến thức liên quan đến phương pháp và kỹ năng áp dụng trong quản lý xung đột tài nguyên và môi trường; nhận biết các xung đột trong môi trường, có khả năng phân tích nguyên nhân xung đột và đề xuất các hướng giải quyết xung đột. Ngoài ra học viên cũng sẽ có khả năng vận dụng các phương pháp phù hợp trong giải quyết xung đột tài nguyên và môi trường từ những tình huống điển hình trong thực tế.	45	0	90	
III	LUẬN VĂN		12					
III.1	MTQM222	Luận văn	12	Sau khi kết thúc học phần, học viên có khả năng áp dụng những phần kiến thức chuyên ngành đã được học kết hợp với tài liệu trong và ngoài nước; sử dụng những kỹ năng tổng hợp kiến thức, cách viết, cách trình bày một đề tài nghiên cứu khoa học cho 1 trường hợp cụ thể.				

8. Kế hoạch học tập dự kiến phân bố theo học kỳ:

STT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ			
			Năm thứ 1		Năm thứ 2	
			HK1	HK2	HK3	HK4
I	Khối kiến thức chung					
1	Triết học	LCML201	3			
2	Tiếng Anh B2	NNTA201	3			
II	Khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành					
II.1	Các học phần bắt buộc (27TC)					
3	Tiếng Anh chuyên ngành	MTQT201	2			
4	Phân tích và đánh giá dữ liệu môi trường	MTQT202	2			
5	Lượng giá và bồi thường thiệt hại môi trường	MTQT203		2		
6	Phân tích chính sách tài nguyên và môi trường	MTQM204	3			
7	Nguyên lý quản lý tài nguyên và môi trường	MTQM205	2			
8	Quản lý chiến lược tài nguyên và môi trường	MTQM206	2			
9	Biến đổi khí hậu và ứng phó	MTQT207		2		
10	Đánh giá rủi ro môi trường	MTĐQ204		3		
11	Ứng dụng GIS, viễn thám trong quản lý tài nguyên và môi trường	MTQM208		3		
12	Kinh tế xanh	MTQM214		2		
13	Quản lý đa dạng sinh học	MTQT209		2		
14	Thực tập ngoại khóa	MTQM210		2		
II.2	Các học phần tự chọn (Chọn 15/30 TC)				Chọn 15/30TC	
15	Quản lý môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ	MTQM211			3	
16	Quản lý tổng hợp chất thải rắn	MTCM212			3	
17	Quản lý tổng hợp chất lượng môi trường nước và không khí	MTĐQ213			3	
18	Công nghệ xanh trong quản lý môi trường	MTCM214			3	
19	Quản lý di sản thiên nhiên và các khu bảo tồn	MTQT215			3	
20	Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	MTQM216			3	
21	Quản lý tổng hợp biển và vùng bờ biển	MTQM217			3	
22	Quản lý tổng hợp bảo vệ môi trường đất	MTĐQ219			3	

STT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ			
			Năm thứ 1		Năm thứ 2	
			HK1	HK2	HK3	HK4
23	Quản lý môi trường trong khai thác mỏ	MTQT220			3	
24	Quản lý xung đột tài nguyên và môi trường	MTQM221			3	
III	Luận văn tốt nghiệp					
25	Luận văn tốt nghiệp	MTQM222				12
Tổng số tín chỉ (60)			17	16	15	12

9. Hướng dẫn thực hiện

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 80 giờ thực tập.

- Một tín chỉ thực tập bằng 10 ngày làm việc (tương đương với 80 giờ), hai tín chỉ thực tập bằng 15 ngày làm việc (tương đương với 120 giờ). Để chuẩn bị cho 01 ngày làm việc có ít nhất 02 giờ tự học.

- Khối lượng học tập tối thiểu của mỗi học viên trong mỗi học kỳ được quy định như sau: Số tín chỉ tối thiểu đăng ký học trong mỗi học kỳ (trừ học kỳ đầu khóa và cuối khóa) là 12 tín chỉ.

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi sang thang điểm chữ theo quy định.

- Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của học viên ở từng học kỳ. Nếu số lượng học viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và học viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp (nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ).